BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 17/03/2025

14/03/2025	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,326.15	-0.01%	1,387.03	-0.02%	242.73	0.59%
Tổng KLGD (tr. cp)	**1,023.49**	**-4.28%**	**414.90**	**8.45%**	**75.83**	**21.15%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**940.62**	**-5.76%**	**374.75**	**7.43%**	**72.99**	**17.63%**
TB 20 phiên (tr. cp)	815.93	15.28%	261.31	43.41%	66.20	10.26%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**23,067**	**-5.90%**	**12,313**	**1.61%**	**1,302**	**9.50%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**21,342**	**-7.75%**	**11,227**	**-1.13%**	**1,251**	**6.69%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	17,883	19.34%	8,040	39.64%	1,161	7.70%
Số mã tăng	170	31%	15	50%	81	33%
Số mã giảm	283	52%	9	30%	106	43%
Số mã đứng giá	87	16%	6	20%	61	25%

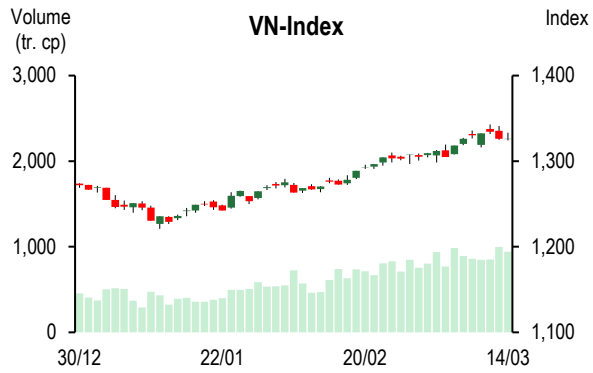

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường phục hồi nhẹ đầu phiên nhưng lực cung tiếp tục chi phối khiến đà tăng bị thu hẹp và đẩy chỉ số đóng cửa lùi về sắc đỏ. Vấn đề căng thẳng thương mại leo thang cùng với thiếu chất xúc tác hiện tại làm tâm lý NĐT thận trọng hơn. Mới đây, Tổng thống Trump đe dọa áp thuế 200% đối với rượu vang và các loại đồ uống có cồn khác từ EU nếu khối này không xóa bỏ thuế rượu whisky của Hoa Kỳ. Trở lại diễn biến trong nước, thanh khoản giảm so với phiên trước nhưng vẫn duy trì mức cao với sự đóng góp chủ yếu từ giao dịch ở SHB. Hoạt động ở nhóm trụ lớn vẫn tích cực giúp giữ điểm cho thị trường, còn mặt bằng cổ phiếu chịu áp lực điều chỉnh chung. Dòng tiền bắt đầu có sự phân hóa nhiều hơn. Chiều tăng nổi bật ghi nhận ở nhóm Bất động sản, Ngân hàng, trong khi đa số nhóm ngành giảm điểm với nhóm Công nghệ, Viễn thông, Xây dựng, Dầu khí phản ứng kém khả quan nhất. Về mặt điểm số, đóng vai trò lực kéo là đà tăng của VCB, VIC, SHB, ngược lại, FPT, GAS, HVN kìm hãm. Khối ngoại bán ròng 225,9 tỷ, tập trung nhiều ở FPT, DBC, NLG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, sự phục hồi yếu ớt cùng với cụm ba nến đỏ đã cho thấy khả năng chỉ số bước vào giai đoạn "hạ nhiệt" sau quá trình đi lên tốt và kháng lại diễn biến kém khả quan từ chứng khoán toàn cầu. Lực cung cũng chi phối ở VN30 và xu hướng có lẽ cần kiểm định lại khu vực 1375 - 1380 điểm, trong khi HNX-Index khởi sắc hơn nhưng vẫn gặp lực cản mạnh quanh ngưỡng 244. Các chỉ báo kỹ thuật đã cho tín hiệu suy yếu và điều chỉnh, trong khi nhóm Mid-cap với sự tham gia đông đảo của dòng tiền cũng có dấu hiệu chậm lại và cần tích lũy thêm. Kỳ vọng nhịp điều chỉnh lành mạnh giúp chỉ số chung vẫn giữ được trên ngưỡng tâm lý 1300 điểm, tuy nhiên, không loại trừ kịch bản lực bán mạnh có thể phá vỡ hỗ trợ và tìm về mức thấp hơn là ngưỡng 1290 điểm. Chiến lược: Nắm giữ, hạ tỷ trọng nếu mất 1320 điểm, giai đoạn hiện tại sẽ thiên về củng cố.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ: Chốt lời REE

(Xem chi tiết ở trang 2)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	REE	Chốt lời	17/03/2025	70.90	67.50	5.0%	75.0	11.1%	71	5.2%	Chạm mức chặn dưới, mất hỗ trợ MA-20 ngày

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	QTP	Nắm giữ	26/02/2025	13.91	13.80	0.8%	15	8.7%	13.6	-1.4%	Nâng stop loss 13.6
2	NTP	Nắm giữ	05/03/2025	65.20	64.10	1.7%	72	12.3%	60	-6%	
3	TVN	Nắm giữ	06/03/2025	8.70	8.75	-0.6%	10	14.3%	8.3	-5%	
4	IJC	Nắm giữ	11/03/2025	15.60	14.85	5.1%	17	14.5%	14.6	-2%	Nâng stop loss 14.6
5	SZC	Nắm giữ	14/03/2025	44.80	45.95	-2.5%	51	11.0%	43.5	-5%	
6	DPM	Mua	04/03/2025	35.65	36.85	-3.3%	40	9%	35.5	-4%	
7	ANV	Mua	07/03/2025	17.20	17.45	-1.4%	19	8.9%	16.5	-5%	
8	HDB	Mua	10/03/2025	23.20	23.4	-0.9%	26	11%	22.5	-4%	
9	KBC	Mua	12/03/2025	29.40	30.3	-3.0%	34	12.2%	28.5	-6%	
10	SSI	Mua	12/03/2025	26.95	26.7	0.9%	29	9%	25.5	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Tỷ giá hạ nhiệt, Kho bạc muốn mua thêm 300 triệu USD từ các ngân hàng

Kho bạc Nhà nước (KBNN) mới đây đã thông báo nhu cầu mua ngoại tệ từ ngân hàng thương mại (NHTM) với khối lượng dự kiến là tối đa 300 triệu USD, loại hình giao dịch là giao dịch giao ngay; ngày giao dịch là 13/3/2025; ngày thanh toán dự kiến là 17/3/2025. Đây là đợt chào mua ngoại tệ thứ 4 của KBNN kể từ đầu năm 2025 đến nay.

Trước đó, KBNN đã chào mua tối đa 150 triệu USD, 200 triệu USD và 150 triệu USD từ các ngân hàng, với ngày giao dịch lần lượt là 13/2, 19/2 và 25/2. Như vậy, trong vòng 1 tháng qua, KBNN đã chào mua tổng cộng 800 triệu USD từ các ngân hàng thương mại.

WB dự báo bội chi ngân sách 1,4% GDP trong năm 2025

Về cân đối thu, chi ngân sách giai đoạn 2025-2026, WB Việt Nam dự báo ngân sách dự kiến sẽ ghi nhận bội chi trong các năm 2025-2026 do tăng chi tiêu theo dự toán.

Bội chi ngân sách dự kiến lên đến 1,4% GDP trong năm 2025 và sau đó giảm còn 1% trong năm 2026 khi Chính phủ có kế hoạch tiếp tục giảm dư nợ trong điều kiện tăng trưởng vẫn cao hơn lãi suất. Chi ngân sách trong năm 2025 dự kiến sẽ tăng thêm 20% so với năm 2024 do kế hoạch đầu tư cho một số dự án hạ tầng của quốc gia cũng như tăng lương trong khu vực nhà nước và chi trả nghỉ việc trong quá trình tái cơ cấu bộ máy nhà nước.

Nguồn: Cafef, VnEconomy

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Pharmedic tăng cổ tức 2024 lên 62.68%, gấp rưỡi kế hoạch ban đầu

CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (HNX: PMC) vừa công bố quyết định điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 tại kỳ họp bất thường ngày 12/03/2025. Công ty sẽ không trích lập quỹ đầu tư phát triển, mà chuyển phần lợi nhuận này sang trả cổ tức cho cổ đông. Cổ tức năm 2024 được điều chỉnh tăng từ 24% lên 62.68%, hơn gấp rưỡi kế hoạch ban đầu.

Trước đó, Pharmedic đã tạm ứng cổ tức 2024 đợt 1 với tỷ lệ 10% vào cuối tháng 9/2024 và chốt quyền cho đợt 2 với tỷ lệ 14% vào ngày 21/03 tới, dự kiến thanh toán vào 08/04/2025. Với đề xuất mới này, cổ đông PMC sẽ nhận thêm 38.68% cổ tức, chờ ĐHĐCĐ thông qua.

Cổ đông lớn nhất của Pharmedic là Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn - Sapharco (nắm 43.44% vốn) và CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS, nắm 14.6%).

Năm 2025, Pharmedic đặt mục tiêu doanh thu 539 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2024, nhưng lợi nhuận trước thuế dự kiến giảm nhẹ 3%, còn 97 tỷ đồng, chờ ĐHĐCĐ thông qua.

WSB đề xuất tăng cổ tức 2024 lên 50%, Sabeco tiếp tục gom mua cổ phần

Bia Sài Gòn - Miền Tây vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025, dự kiến tổ chức ngày 31/03. CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây (WSB) dự kiến trình ĐHĐCĐ kế hoạch kinh doanh 2025 với tổng doanh thu hơn 1,007 tỷ đồng, tăng nhẹ 2% so với năm 2024. Lãi ròng dự kiến gần 82.2 tỷ đồng, giảm không đáng kể so với năm trước.

WSB đề xuất chia cổ tức 2024 tỷ lệ 50% bằng tiền, cao hơn kế hoạch ban đầu (40%), tương ứng 72.5 tỷ đồng. Công ty mẹ Sabeco, hiện nắm giữ 84.46% vốn WSB, sẽ là bên hưởng lợi lớn nhất.

WSB cũng trình ĐHĐCĐ thông qua việc miễn chào mua công khai cổ phiếu của công ty mẹ Sabeco trong trường hợp nhận chuyển nhượng cổ phiếu WSB từ Reverie Ltd. Sabeco dự kiến nhận chuyển nhượng 270,500 cp WSB (tỷ lệ 1.87%) từ Reverie Ltd, để nâng sở hữu từ 84.46% lên 86.32% vốn (12.5 triệu cp). Giao dịch được thực hiện theo hình thức thỏa thuận, với tổng giá trị 117 tỷ đồng, tương ứng giá bình quân 58,000 đồng/cp. Việc mua thêm cổ phần được miễn thủ tục chào mua công khai theo quyết định của ĐHĐCĐ bất thường WSB ngày 22/10/2024.

Chương Dương chốt thời gian chào bán gần 22 triệu cp, giá thấp hơn 48% so với thị giá

CTCP Chương Dương (HOSE: CDC) thông báo ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua gần 22 triệu cp là 31/03. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 28/03. CDC sẽ phát hành gần 22 triệu cp cho đối tượng là cổ đông hiện hữu với giá 11,000 đồng/cp (thấp hơn 48% so với thị giá CDC phiên 14/03 là 21,000 đồng/cp). Tỷ lệ thực hiện quyền 1:1. Cổ phiếu sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng sau đợt chào bán.

Nguồn: Vietstock, Fireant

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
VCB	66,000	0.76%	0.08%
VIC	52,200	1.56%	0.06%
SHB	10,700	7.00%	0.05%
VPB	19,600	1.82%	0.05%
BID	40,400	0.50%	0.03%

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
KSV	205,000	6.77%	0.68%
KSF	66,100	9.98%	0.47%
HGM	328,800	6.41%	0.07%
THD	37,400	1.63%	0.06%
MVB	25,100	9.61%	0.06%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
FPT	131,400	-3.74%	-0.14%
GAS	67,700	-0.88%	-0.03%
HVN	27,850	-1.94%	-0.02%
BSR	18,950	-1.81%	-0.02%
LPB	34,950	-0.99%	-0.02%

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
PVS	32,500	-2.11%	-0.09%
IDC	54,300	-1.27%	-0.06%
HUT	16,200	-1.22%	-0.05%
VIF	18,000	-2.70%	-0.05%
NTP	65,200	-1.66%	-0.04%

TOP 5 GIAO DỊCH KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
FPT	16,174,178	2,145.3
SHB	132,350,595	1,393.7
VHM	16,868,569	818.6
SSI	29,012,000	784.4
MWG	8,763,578	541.4

HNX

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
SHS	16,543,031	247.0
CEO	10,457,505	156.6
PVS	4,454,715	145.6
MBS	3,028,000	92.3
IDC	1,427,555	77.7

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	Khối lượng thỏa thuận (cổ phiếu)	GT thỏa thuận (tỷ đồng)
VIX	30,000,000	368.9
TCB	10,035,701	285.8
SSB	9,978,000	210.0
VJC	1,724,000	167.7
SSI	4,467,502	120.8

HNX

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị thỏa thuận (tỷ đồng)
PVS	520,000	18.9
PVC	1,600,000	17.9
PVI	119,200	8.0
NAG	450,000	5.5
HKT	150,000	1.2

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Sàn	Khối lượng mua (triệu cổ phiếu)	Giá trị mua (tỷ đồng)	Khối lượng bán (triệu cổ phiếu)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Khối lượng ròng (triệu cổ phiếu)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
HOSE	110.70	2,735.32	84.84	2,964.40	25.86	(229.08)
HNX	1.46	31.24	2.66	88.93	(1.20)	(57.69)
Tổng 2 sàn	**112.16**	**2,766.55**	**87.50**	**3,053.33**	**24.66**	**(286.78)**

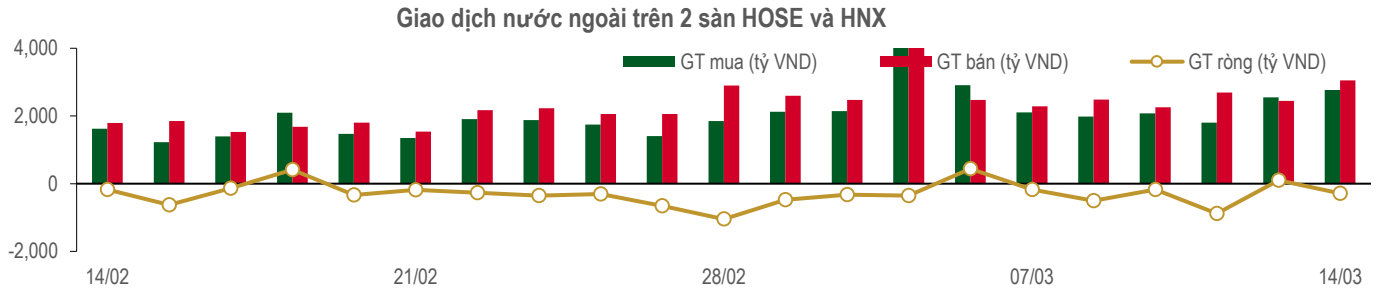

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
VIX	12,300	30,040,966	369.38
MWG	61,500	3,236,002	200.03
VHM	47,900	4,068,547	197.62
TCB	27,300	6,635,700	190.10
SSI	26,950	5,553,997	150.20

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	32,500	250,000	8.13
SHS	14,900	517,300	7.65
IDC	54,300	96,600	5.25
CEO	14,900	235,000	3.53
VTZ	17,200	106,900	1.84

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	131,400	5,496,366	730.77
TCB	27,300	6,631,700	189.95
DBC	29,350	6,215,300	184.52
NLG	33,450	4,639,300	154.99
HPG	27,550	5,482,159	151.56

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	32,500	1,269,400	41.49
IDC	54,300	475,800	25.90
MBS	30,500	403,600	12.31
PLC	24,600	47,300	1.18
IVS	10,300	106,000	1.10

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
VIX	12,300	29,418,066	361.76
VHM	47,900	2,932,047	142.44
MWG	61,500	2,205,602	136.52
MSN	71,100	1,290,533	92.06
SHB	10,700	7,084,402	73.72

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
SHS	14,900	466,700	6.90
CEO	14,900	216,000	3.25
VTZ	17,200	75,500	1.30
PRE	20,300	31,900	0.65
DTD	22,700	15,600	0.36

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	131,400	(4,861,266)	(646.62)
DBC	29,350	(6,044,000)	(179.40)
NLG	33,450	(3,649,700)	(121.91)
HPG	27,550	(4,295,159)	(118.71)
STB	38,850	(2,261,225)	(87.38)

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	32,500	(1,019,400)	(33.36)
IDC	54,300	(379,200)	(20.66)
MBS	30,500	(379,200)	(11.57)
PLC	24,600	(47,300)	(1.18)
IVS	10,300	(62,600)	(0.65)

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CÁC CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	% thay đổi	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
E1VFVN30	0.0%	174,589	4.23
FUEMAV30	-0.2%	9,901	0.16
FUESSV30	0.1%	3,605	0.06
FUESSV50	0.0%	15,559	0.32
FUESSVFL	0.3%	1,585,345	36.80
FUEVFVND	-0.1%	249,990	8.19
FUEVN100	-0.5%	87,460	1.62
FUEIP100	-3.7%	300	0.00
FUEKIV30	0.0%	100	0.00
FUEDCMID	-0.7%	8,500	0.10
FUEKIVFS	0.3%	54,300	0.75
FUEMAVND	-1.9%	200	0.00
FUEFCV50	1.5%	4,502	0.05
FUEBFVND	0.0%	0	0.00
FUEKIVND	-1.2%	14,000	0.17
FUEABVND	0.0%	0	0.00
Tổng cộng		**2,208,351**	**52.47**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	Giá trị mua (tỷ đồng)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
E1VFVN30	0.89	1.25	(0.36)
FUEMAV30	0.15	0.01	0.15
FUESSV30	0.03	0.01	0.03
FUESSV50	0.29	0.01	0.28
FUESSVFL	6.95	29.58	(22.62)
FUEVFVND	4.12	2.80	1.31
FUEVN100	0.90	0.06	0.84
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	0.00	0.00	0.00
FUEDCMID	0.00	0.00	(0.00)
FUEKIVFS	0.55	0.75	(0.20)
FUEMAVND	0.00	0.00	(0.00)
FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	0.17	0.00	0.17
FUEABVND	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng	**14.07**	**34.47**	**(20.40)**

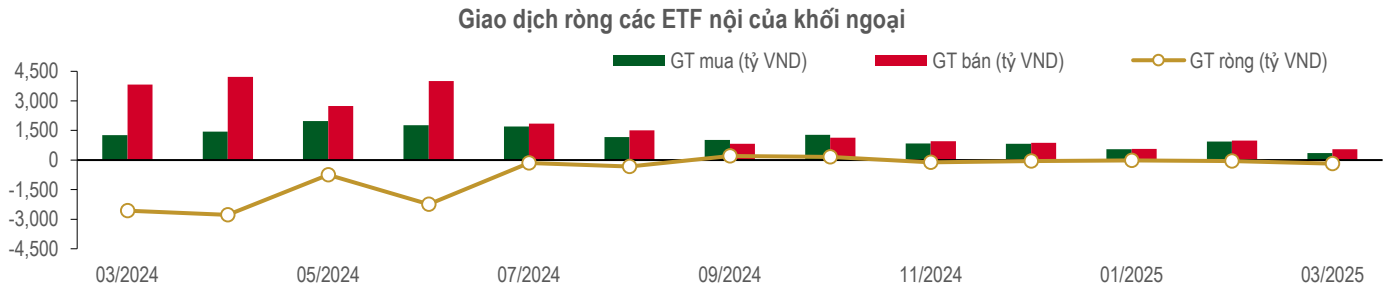

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Biến động giá của một số quỹ ETF nội từ ngày 01/03/2024-14/03/2025

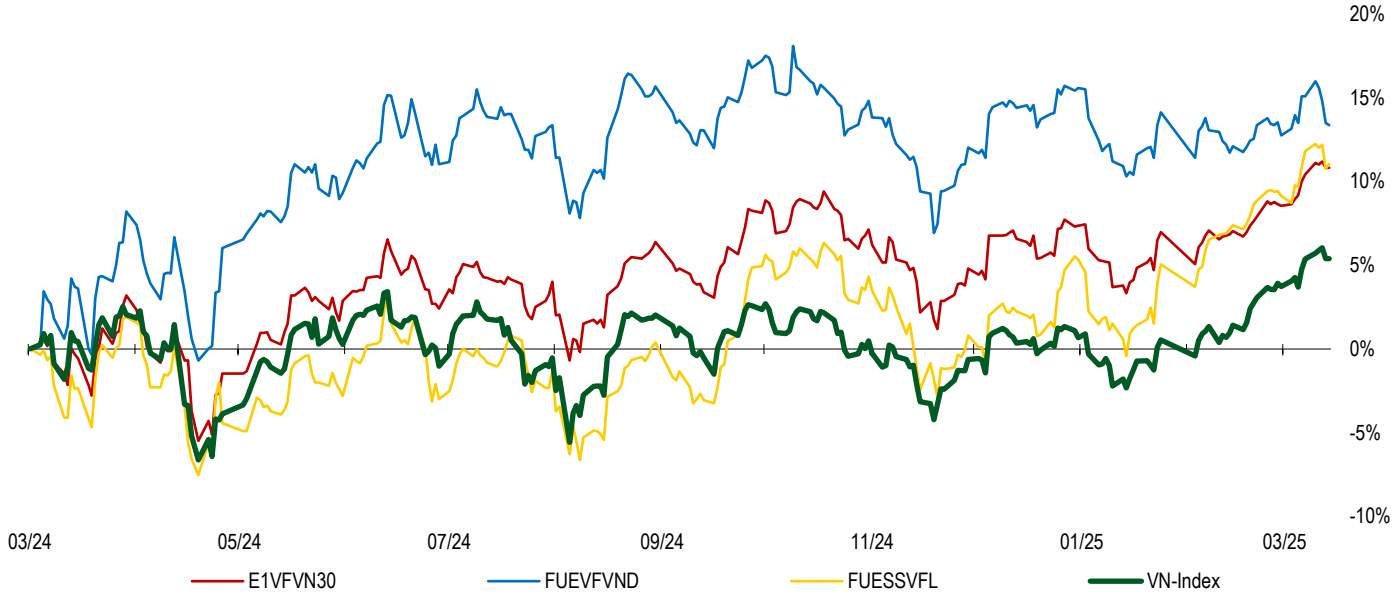

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2403	420	-6.7%	1,799,100	45	26,000	332	(88)	25,000	4.00	24/04/2025
CACB2404	690	0.0%	4,513,012	136	26,000	472	(218)	25,000	4.00	24/07/2025
CACB2405	660	-13.2%	100	61	26,000	283	(377)	25,500	4.00	12/05/2025
CACB2501	1,060	-4.5%	39,200	136	26,000	741	(319)	24,500	3.00	24/07/2025
CACB2502	1,840	-3.2%	52,200	377	26,000	744	(1,096)	28,000	2.00	24/03/2026
CACB2503	1,390	-3.5%	54,800	227	26,000	648	(742)	27,000	2.00	23/10/2025
CACB2504	710	-4.1%	12,136,100	73	26,000	464	(246)	26,000	2.00	22/05/2025
CACB2505	1,450	-0.7%	4,000	209	26,000	512	(938)	26,300	3.00	07/10/2025
CACB2506	740	0.0%	0	108	26,000	293	(447)	27,400	2.00	26/06/2025
CFPT2402	5,020	-22.5%	123,600	136	131,400	1,783	(3,237)	134,064	3.97	24/07/2025
CFPT2403	2,320	-16.5%	185,500	45	131,400	838	(1,482)	134,064	3.97	24/04/2025
CFPT2404	2,860	-10.1%	94,300	235	131,400	1,190	(1,670)	120,161	14.90	31/10/2025
CFPT2405	2,380	-5.9%	9,700	153	131,400	775	(1,605)	134,064	9.93	12/08/2025
CFPT2406	390	-2.5%	20,900	14	131,400	0	(390)	147,658	24.83	26/03/2025
CFPT2407	490	-10.9%	42,100	108	131,400	28	(462)	158,692	24.83	26/06/2025
CFPT2501	400	-18.4%	2,091,600	136	131,400	102	(298)	160,000	10.00	24/07/2025
CFPT2502	760	-13.6%	654,900	227	131,400	138	(622)	170,000	10.00	23/10/2025
CFPT2503	1,110	-13.3%	315,500	377	131,400	227	(883)	180,000	10.00	24/03/2026
CFPT2504	360	-5.3%	303,000	73	131,400	22	(338)	160,000	10.00	22/05/2025
CFPT2505	1,620	-12.0%	198,800	301	131,400	423	(1,197)	158,000	10.00	07/01/2026
CFPT2506	380	2.7%	202,300	108	131,400	50	(330)	164,000	8.00	26/06/2025
CFPT2507	810	-23.6%	171,300	144	131,400	213	(597)	155,000	8.00	01/08/2025
CFPT2508	2,700	-3.2%	93,700	328	131,400	540	(2,160)	160,000	8.00	03/02/2026
CHDB2401	50	-28.6%	755,200	14	23,200	7	(43)	25,017	3.34	26/03/2025
CHDB2501	590	0.0%	4,500	108	23,200	335	(255)	24,800	2.00	26/06/2025
CHPG2402	640	-3.0%	153,200	68	27,550	276	(364)	28,177	2.73	19/05/2025
CHPG2406	1,020	1.0%	219,100	228	27,550	445	(575)	28,000	4.00	24/10/2025
CHPG2407	660	-4.3%	2,031,100	45	27,550	457	(203)	26,000	4.00	24/04/2025
CHPG2408	880	0.0%	514,000	136	27,550	448	(432)	27,000	4.00	24/07/2025
CHPG2409	2,070	2.0%	463,900	235	27,550	1,198	(872)	25,000	3.00	31/10/2025
CHPG2410	990	-2.9%	200	153	27,550	349	(641)	28,000	4.00	12/08/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CHPG2411	50	-28.6%	791,700	14	27,550	1	(49)	29,999	4.00	26/03/2025
CHPG2412	310	-3.1%	451,000	108	27,550	56	(254)	31,333	4.00	26/06/2025
CHPG2501	1,280	1.6%	619,600	104	27,550	869	(411)	25,500	3.00	24/06/2025
CHPG2502	1,600	12.7%	20,700	196	27,550	624	(976)	27,500	3.00	24/09/2025
CHPG2503	1,210	-4.7%	170,800	73	27,550	680	(530)	27,000	2.00	22/05/2025
CHPG2504	1,740	-3.9%	208,500	227	27,550	679	(1,061)	29,000	2.00	23/10/2025
CHPG2505	2,470	-2.0%	62,600	377	27,550	819	(1,651)	30,000	2.00	24/03/2026
CHPG2506	1,290	-1.5%	4,500	301	27,550	556	(734)	27,800	4.00	07/01/2026
CHPG2507	670	-1.5%	322,900	108	27,550	273	(397)	29,600	2.00	26/06/2025
CHPG2508	2,240	-2.6%	234,900	223	27,550	1,137	(1,103)	27,000	2.00	21/10/2025
CHPG2509	1,230	-0.8%	27,000	144	27,550	444	(786)	28,000	3.00	01/08/2025
CHPG2510	1,500	-1.3%	52,400	328	27,550	604	(896)	29,000	3.00	03/02/2026
CMBB2402	2,560	-0.4%	146,800	68	24,300	2,375	(185)	20,403	1.70	19/05/2025
CMBB2405	920	2.2%	4,687,800	136	24,300	728	(192)	22,590	3.48	24/07/2025
CMBB2406	870	0.0%	347,500	45	24,300	781	(89)	21,721	3.48	24/04/2025
CMBB2407	1,850	-1.6%	1,356,600	235	24,300	1,737	(113)	22,590	1.74	31/10/2025
CMBB2408	230	9.5%	62,300	14	24,300	124	(106)	24,134	4.34	26/03/2025
CMBB2409	570	7.5%	2,800	108	24,300	226	(344)	25,099	4.34	26/06/2025
CMBB2501	1,730	-3.9%	51,700	136	24,300	1,484	(246)	20,852	2.61	24/07/2025
CMBB2502	2,340	1.3%	259,000	73	24,300	2,087	(253)	20,852	1.74	22/05/2025
CMBB2503	2,550	0.0%	41,500	227	24,300	1,716	(834)	22,590	1.74	23/10/2025
CMBB2504	2,960	0.7%	537,700	377	24,300	1,790	(1,170)	23,459	1.74	24/03/2026
CMBB2505	1,960	0.5%	400	391	24,300	1,178	(782)	22,800	3.00	07/04/2026
CMBB2506	1,750	0.0%	0	108	24,300	1,194	(556)	23,025	1.74	26/06/2025
CMBB2507	2,080	-3.3%	300	328	24,300	1,315	(765)	24,000	2.00	03/02/2026
CMBB2508	1,610	-5.3%	2,500	144	24,300	1,152	(458)	23,000	2.00	01/08/2025
CMSN2404	1,170	6.4%	64,100	136	71,100	476	(694)	79,000	4.00	24/07/2025
CMSN2405	350	9.4%	401,900	45	71,100	97	(253)	79,000	4.00	24/04/2025
CMSN2406	910	0.0%	195,700	235	71,100	559	(351)	79,000	6.00	31/10/2025
CMSN2407	30	0.0%	20,100	14	71,100	0	(30)	83,456	10.00	26/03/2025
CMSN2408	200	5.3%	129,600	108	71,100	49	(151)	85,678	10.00	26/06/2025
CMSN2501	720	5.9%	477,900	104	71,100	464	(256)	72,000	8.00	24/06/2025
CMSN2502	930	10.7%	265,800	73	71,100	505	(425)	73,000	5.00	22/05/2025
CMSN2503	1,920	5.5%	169,700	227	71,100	917	(1,003)	75,000	5.00	23/10/2025
CMSN2504	540	-30.8%	197,500	108	71,100	439	(101)	77,700	4.00	26/06/2025
CMWG2401	1,610	-0.6%	112,300	68	61,500	382	(1,228)	65,479	3.97	19/05/2025
CMWG2405	550	5.8%	116,500	45	61,500	206	(344)	66,000	4.00	24/04/2025
CMWG2406	1,350	6.3%	481,500	136	61,500	644	(706)	66,000	4.00	24/07/2025
CMWG2407	670	1.5%	386,500	235	61,500	466	(204)	70,000	6.00	31/10/2025
CMWG2408	720	-6.5%	400	61	61,500	251	(469)	65,000	6.00	12/05/2025
CMWG2409	70	16.7%	2,300	14	61,500	2	(68)	68,888	10.00	26/03/2025
CMWG2410	360	5.9%	24,200	108	61,500	99	(261)	70,777	10.00	26/06/2025
CMWG2501	1,200	5.3%	198,600	104	61,500	719	(481)	62,000	5.00	24/06/2025
CMWG2502	1,260	6.8%	1,764,700	73	61,500	785	(475)	60,000	5.00	22/05/2025
CMWG2503	1,910	5.5%	1,000,300	227	61,500	1,022	(888)	63,000	5.00	23/10/2025
CMWG2504	2,330	4.0%	51,300	377	61,500	1,155	(1,175)	66,000	5.00	24/03/2026
CMWG2505	1,770	-1.7%	89,200	209	61,500	969	(801)	61,000	6.00	07/10/2025
CMWG2506	580	-3.3%	362,700	108	61,500	611	31	66,900	3.00	26/06/2025
CSHB2401	880	76.0%	102,600	61	10,700	309	(571)	10,365	1.80	12/05/2025
CSHB2402	380	245.5%	2,239,600	14	10,700	285	(95)	10,215	1.80	26/03/2025
CSHB2403	660	112.9%	1,519,500	108	10,700	171	(489)	11,116	1.80	26/06/2025
CSHB2501	1,180	47.5%	1,880,400	104	10,700	548	(632)	9,915	1.80	24/06/2025
CSSB2401	90	0.0%	104,700	14	19,800	64	(26)	19,999	4.00	26/03/2025
CSTB2402	2,990	-5.1%	831,601	68	38,850	3,005	15	30,000	3.00	19/05/2025
CSTB2408	920	-8.0%	370,100	45	38,850	823	(97)	36,000	4.00	24/04/2025
CSTB2409	1,300	-7.1%	140,800	136	38,850	1,067	(233)	36,000	4.00	24/07/2025
CSTB2410	1,430	-5.9%	285,400	235	38,850	1,315	(115)	38,000	3.00	31/10/2025
CSTB2411	1,680	-14.7%	100	61	38,850	1,293	(387)	34,000	4.00	12/05/2025
CSTB2412	300	-16.7%	1,336,100	14	38,850	215	(85)	38,686	4.00	26/03/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2413	870	-5.4%	28,400	108	38,850	479	(391)	39,679	4.00	26/06/2025
CSTB2501	2,280	-6.6%	24,300	104	38,850	1,976	(304)	33,500	3.00	24/06/2025
CSTB2502	2,380	-4.8%	2,000	196	38,850	1,712	(668)	35,500	3.00	24/09/2025
CSTB2503	2,500	-6.4%	311,600	73	38,850	2,203	(297)	35,000	2.00	22/05/2025
CSTB2504	2,940	-4.5%	97,800	227	38,850	1,940	(1,000)	38,000	2.00	23/10/2025
CSTB2505	2,000	-4.3%	300	209	38,850	930	(1,070)	40,000	3.00	07/10/2025
CSTB2506	1,710	0.0%	0	108	38,850	1,344	(366)	38,100	2.00	26/06/2025
CTCB2403	830	-1.2%	50,300	235	27,300	630	(200)	26,000	5.00	31/10/2025
CTCB2404	1,240	-2.4%	200	153	27,300	663	(577)	25,000	5.00	12/08/2025
CTCB2405	350	0.0%	200	14	27,300	157	(193)	26,868	5.00	26/03/2025
CTCB2406	430	-2.3%	7,200	108	27,300	259	(171)	27,979	5.00	26/06/2025
CTCB2501	2,390	-0.4%	8,500	136	27,300	1,971	(419)	24,000	2.00	24/07/2025
CTCB2502	2,090	0.5%	117,800	73	27,300	1,796	(294)	24,000	2.00	22/05/2025
CTCB2503	2,300	0.0%	274,600	227	27,300	1,552	(748)	26,000	2.00	23/10/2025
CTCB2504	1,370	1.5%	600	301	27,300	737	(633)	24,500	6.00	07/01/2026
CTCB2505	1,760	0.0%	0	108	27,300	1,046	(714)	26,400	2.00	26/06/2025
CTCB2506	1,540	5.5%	1,600	223	27,300	927	(613)	25,000	4.00	21/10/2025
CTPB2403	490	-5.8%	36,200	61	16,100	75	(415)	17,500	3.00	12/05/2025
CTPB2404	30	50.0%	15,200	14	16,100	1	(29)	17,888	4.00	26/03/2025
CTPB2405	200	-16.7%	30,000	108	16,100	38	(162)	18,999	4.00	26/06/2025
CTPB2501	790	-10.2%	447,000	108	16,100	372	(418)	17,700	1.00	26/06/2025
CVHM2406	1,130	-5.0%	208,400	136	47,900	567	(563)	50,000	4.00	24/07/2025
CVHM2407	560	-9.7%	264,300	45	47,900	311	(249)	49,000	4.00	24/04/2025
CVHM2408	3,130	-9.8%	190,700	235	47,900	2,758	(372)	38,000	4.00	31/10/2025
CVHM2409	2,060	-3.3%	1,600	153	47,900	1,434	(626)	42,000	5.00	12/08/2025
CVHM2410	340	0.0%	192,100	14	47,900	180	(160)	47,999	5.00	26/03/2025
CVHM2411	860	0.0%	5,800	108	47,900	341	(519)	50,555	5.00	26/06/2025
CVHM2501	1,510	-3.2%	1,272,200	73	47,900	1,279	(231)	42,000	5.00	22/05/2025
CVHM2502	1,780	-2.7%	89,500	227	47,900	1,159	(621)	45,000	5.00	23/10/2025
CVHM2503	2,200	2.8%	26,400	391	47,900	1,295	(905)	42,000	7.00	07/04/2026
CVHM2504	3,200	-2.4%	4,800	108	47,900	2,414	(786)	44,500	2.00	26/06/2025
CVIB2402	640	-4.5%	198,100	68	20,350	417	(223)	20,515	1.71	19/05/2025
CVIB2405	1,340	6.3%	150,400	45	20,350	1,215	(125)	18,000	2.00	24/04/2025
CVIB2406	670	3.1%	293,000	136	20,350	490	(180)	19,000	4.00	24/07/2025
CVIB2407	2,000	2.0%	40,700	235	20,350	1,518	(482)	18,000	2.00	31/10/2025
CVIB2408	800	2.6%	200	61	20,350	314	(486)	19,500	4.00	12/05/2025
CVIB2501	710	6.0%	64,200	73	20,350	500	(210)	20,000	2.00	22/05/2025
CVIB2502	1,220	2.5%	45,300	227	20,350	611	(609)	21,000	2.00	23/10/2025
CVIB2503	2,300	0.0%	0	108	20,350	642	(1,658)	21,200	1.00	26/06/2025
CVIC2404	2,450	7.0%	861,600	45	52,200	2,336	(114)	43,000	4.00	24/04/2025
CVIC2405	2,940	7.7%	215,800	136	52,200	2,451	(489)	43,000	4.00	24/07/2025
CVIC2406	1,110	16.8%	403,200	14	52,200	1,072	(38)	46,888	5.00	26/03/2025
CVIC2407	1,440	14.3%	42,900	108	52,200	917	(523)	48,999	5.00	26/06/2025
CVIC2501	2,680	8.5%	156,100	73	52,200	2,483	(197)	40,000	5.00	22/05/2025
CVIC2502	2,470	5.6%	123,800	227	52,200	1,741	(729)	45,000	5.00	23/10/2025
CVIC2503	3,300	6.5%	10,700	108	52,200	3,341	41	42,600	3.00	26/06/2025
CVJC2401	30	0.0%	215,800	14	98,600	0	(30)	119,999	10.00	26/03/2025
CVJC2501	800	40.4%	30,500	108	98,600	230	(570)	106,100	6.00	26/06/2025
CVNM2401	530	3.9%	217,600	68	62,100	197	(333)	63,331	7.68	19/05/2025
CVNM2405	160	0.0%	390,200	45	62,100	45	(115)	67,472	3.97	24/04/2025
CVNM2406	550	1.9%	74,000	136	62,100	213	(337)	68,464	3.97	24/07/2025
CVNM2407	620	1.6%	277,100	235	62,100	329	(291)	67,472	5.95	31/10/2025
CVNM2408	30	0.0%	135,900	14	62,100	0	(30)	76,271	7.94	26/03/2025
CVNM2501	480	2.1%	693,400	73	62,100	228	(252)	64,495	4.96	22/05/2025
CVNM2502	1,250	0.0%	60,100	227	62,100	512	(738)	65,488	4.96	23/10/2025
CVNM2503	1,810	-1.6%	100,400	377	62,100	566	(1,244)	68,464	4.96	24/03/2026
CVNM2504	1,440	0.7%	200	209	62,100	428	(1,012)	65,000	6.00	07/10/2025
CVNM2505	750	0.0%	0	108	62,100	180	(570)	67,800	4.00	26/06/2025
CVPB2401	620	12.7%	343,900	68	19,600	340	(280)	19,939	1.90	19/05/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2407	330	10.0%	487,300	136	19,600	150	(180)	21,000	4.00	24/07/2025
CVPB2408	210	16.7%	538,000	45	19,600	83	(127)	21,000	2.00	24/04/2025
CVPB2409	670	11.7%	701,500	235	19,600	340	(330)	22,000	2.00	31/10/2025
CVPB2410	880	0.0%	300	153	19,600	226	(654)	21,000	3.00	12/08/2025
CVPB2411	40	33.3%	290,400	14	19,600	1	(39)	21,666	2.00	26/03/2025
CVPB2412	290	0.0%	179,500	108	19,600	74	(216)	22,777	2.00	26/06/2025
CVPB2501	1,340	6.3%	406,400	227	19,600	674	(666)	20,000	2.00	23/10/2025
CVPB2502	1,690	5.6%	66,400	377	19,600	722	(968)	21,000	2.00	24/03/2026
CVPB2503	790	8.2%	652,500	73	19,600	579	(211)	19,000	2.00	22/05/2025
CVPB2504	1,490	4.2%	24,000	391	19,600	634	(856)	20,000	3.00	07/04/2026
CVPB2505	1,000	0.0%	0	108	19,600	478	(522)	21,000	1.00	26/06/2025
CVPB2506	1,050	10.5%	579,500	206	19,600	591	(459)	20,200	2.00	02/10/2025
CVRE2405	450	-13.5%	329,500	45	18,750	359	(91)	19,000	2.00	24/04/2025
CVRE2406	470	-6.0%	201,300	136	18,750	351	(119)	19,000	4.00	24/07/2025
CVRE2407	1,990	-5.2%	724,600	235	18,750	1,826	(164)	16,000	2.00	31/10/2025
CVRE2408	830	0.0%	0	153	18,750	371	(459)	20,000	3.00	12/08/2025
CVRE2409	80	-11.1%	542,400	14	18,750	21	(59)	19,999	4.00	26/03/2025
CVRE2410	200	-25.9%	141,800	108	18,750	92	(108)	21,888	4.00	26/06/2025
CVRE2501	800	0.0%	4,200	104	18,750	575	(225)	18,000	3.00	24/06/2025
CVRE2502	1,250	-3.8%	232,300	73	18,750	1,084	(166)	17,000	2.00	22/05/2025
CVRE2503	1,670	-2.3%	45,000	227	18,750	1,189	(481)	18,000	2.00	23/10/2025
CVRE2504	1,850	-2.6%	24,200	108	18,750	1,796	(54)	17,900	1.00	26/06/2025
CVRE2505	2,030	4.6%	14,200	223	18,750	1,474	(556)	17,000	2.00	21/10/2025

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Ngày ra báo cáo	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
HAH	HOSE	17/02/2025	47,950	61,200	27.6%	Mua
PNJ	HOSE	11/02/2025	87,400	111,700	27.8%	Mua
HPG	HOSE	10/02/2025	27,550	32,400	17.6%	Tăng tỷ trọng
DRI	UPCOM	04/02/2025	15,670	15,100	-3.6%	Giảm tỷ trọng
DPR	HOSE	01/04/2025	46,900	43,500	-7.2%	Giảm tỷ trọng
VNM	HOSE	21/01/2025	62,100	72,500	16.7%	Tăng tỷ trọng
STB	HOSE	13/01/2025	38,850	38,800	-0.1%	Giảm tỷ trọng
ACB	HOSE	31/12/2024	26,000	31,900	22.7%	Mua
MBB	HOSE	31/12/2024	24,300	31,100	28.0%	Mua
MSB	HOSE	31/12/2024	11,600	13,600	17.2%	Tăng tỷ trọng
SHB	HOSE	31/12/2024	10,700	12,400	15.9%	Tăng tỷ trọng
TCB	HOSE	31/12/2024	27,300	30,700	12.5%	Tăng tỷ trọng
TPB	HOSE	31/12/2024	16,100	19,700	22.4%	Mua
VIB	HOSE	31/12/2024	20,350	22,900	12.5%	Tăng tỷ trọng
VPB	HOSE	31/12/2024	19,600	24,600	25.5%	Mua
CTG	HOSE	31/12/2024	42,300	42,500	0.5%	Nắm giữ
HDB	HOSE	31/12/2024	23,200	28,000	20.7%	Mua
VCB	HOSE	31/12/2024	66,000	69,900	5.9%	Nắm giữ
BID	HOSE	31/12/2024	40,400	41,300	2.2%	Nắm giữ
LPB	HOSE	31/12/2024	34,950	28,700	-17.9%	Bán
MSH	HOSE	31/12/2024	58,600	58,500	-0.2%	Giảm tỷ trọng
TCM	HOSE	31/12/2024	41,600	50,800	22.1%	Mua
IDC	HNX	31/12/2024	54,300	72,000	32.6%	Mua
SZC	HOSE	31/12/2024	44,800	49,500	10.5%	Tăng tỷ trọng

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

BCM	HOSE	31/12/2024	79,000	80,000	1.3%	Nắm giữ
SIP	HOSE	31/12/2024	91,300	88,000	-3.6%	Giảm tỷ trọng
DBD	HOSE	31/12/2024	57,200	68,000	18.9%	Tăng tỷ trọng
IMP	HOSE	31/12/2024	48,200	41,800	-13.3%	Bán
VHC	HOSE	31/12/2024	67,000	83,900	25.2%	Mua
ANV	HOSE	31/12/2024	17,200	17,200	0.0%	Nắm giữ
FMC	HOSE	31/12/2024	48,200	50,300	4.4%	Nắm giữ
SAB	HOSE	31/12/2024	51,600	64,000	24.0%	Mua
MWG	HOSE	31/12/2024	61,500	73,600	19.7%	Tăng tỷ trọng
VSC	HOSE	31/12/2024	17,700	18,200	2.8%	Nắm giữ
GMD	HOSE	31/12/2024	58,100	71,000	22.2%	Mua
PVT	HOSE	31/12/2024	25,400	31,500	24.0%	Mua

Nguồn: PHS

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 **Fax:** (84-28) 5 413 5472
Customer Service: 1900 25 23 58 **Call Center:** (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn **Web:** www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060
Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,
Quận 3, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068
Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận
Tân Bình, Tp.HCM.
Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401
Fax: (+84-28) 3 813 2415

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08,
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận
7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478
Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phone: (+84-24) 6 250 9999
Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng,
Hải Phòng
Phone: (+84-22) 384 1810
Fax: (+84-22) 384 1801